



## Phát triển bền vững văn hóa dân tộc Sán Dìu ở khu vực miền núi phía Bắc

Nguyễn Thị Quế Loan<sup>a\*</sup>, Lê Thị Thu Hương<sup>a</sup>

<sup>a</sup> Trường ĐHSP Thái Nguyên

\* Email: [nguyenqueloan71@gmail.com](mailto:nguyenqueloan71@gmail.com)

### Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

03/7/2019

Ngày duyệt đăng:

10/9/2019

Từ khóa:

Sán Dìu, phát triển bền vững, miền núi phía Bắc, văn hóa, hội nhập.

### Tóm tắt

Khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam hiện có khoảng 31 dân tộc sinh sống. Do xen cư trong một vùng văn hoá - lịch sử nên giữa các dân tộc có sự giao tiếp về kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá... Sau Đổi mới (năm 1986), sự hội nhập của các dân tộc diễn ra mạnh mẽ góp phần thúc đẩy quá trình hoà hợp, mặt khác làm biến đổi văn hoá truyền thống khiến nhiều giá trị văn hoá bị mai một. Trong mấy thập niên qua, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách, các cuộc vận động, dự án nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Để tham góp cùng các biện pháp đã được thực hiện, chúng tôi tiến hành nghiên cứu ở một dân tộc cụ thể đang chịu ảnh hưởng rõ rệt của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từ đó, đề ra những giải pháp phù hợp nhằm giữ gìn và phát triển văn hoá bền vững.

### 1. Mở đầu

Vấn đề phát triển bền vững được khởi đầu từ sự quan tâm đến bền vững môi trường tại hội nghị Stockholm (tổ chức tại Thụy Điển) năm 1972 [1]. Về sau, sự phát triển bền vững được nhận thức không chỉ trong lĩnh vực môi trường, mà còn bao hàm cả về kinh tế, xã hội và văn hóa [5]... Theo đó, phát triển bền vững được hiểu là “*Sự phát triển có thể đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai*” [6, tr.13].

Cho đến nay, phát triển bền vững đã trở thành ý niệm phổ biến ở Việt Nam, được đề cập đến ở cấp độ vĩ mô cũng như vi mô. Vai trò của văn hoá trong phát triển, các vấn đề đặt ra về mâu thuẫn giữa hội nhập với bảo lưu giá trị văn hoá truyền thống, việc phát huy bản sắc văn hoá trong phát triển cũng được đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu trên quan điểm: Văn hoá là động lực cho sự phát triển và có quan hệ chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội. Trong một quốc gia đa dân tộc, văn hóa tộc người (bao gồm tổng thể những yếu tố văn hóa vật thể và phi vật thể) là thành tố quan trọng trong văn hoá dân tộc, góp phần tạo nên bản sắc của chính quốc gia đó [3] [4] [5].

Chính vì vậy, tìm hiểu về các dạng thức văn hoá, đặc biệt là văn hoá có mối quan hệ và ảnh hưởng như thế nào đến phát triển bền vững cần phải có những nghiên cứu ở tộc người cụ thể. Trong bài viết này, chúng tôi xem xét thực trạng văn hóa của dân tộc Sán Dìu, trên cơ sở đó, đề ra giải pháp nhằm đảm bảo phát triển bền vững về văn hoá của các dân tộc nói chung và dân tộc Sán Dìu nói riêng. Bằng phương pháp điền dã dân tộc học, nghiên cứu được thực hiện thông qua cách tiếp cận đa ngành: Lịch sử, xã hội học và đặc biệt là nhân học văn hoá, tại 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Giang - đây là 2 tỉnh có số lượng người dân tộc Sán Dìu đông đảo ở khu vực miền núi phía Bắc.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Thực trạng văn hóa của dân tộc Sán Dìu ở khu vực miền núi phía Bắc

Theo cách phân chia (đang được áp dụng) của Tổng cục Thống kê, vùng miền núi phía Bắc Việt Nam bao gồm 15 tỉnh<sup>1</sup>, trong đó, người Sán Dìu tập trung ở tỉnh Bắc Giang 23.779 người, Thái Nguyên

<sup>1</sup> Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Hoà Bình và Quảng Ninh.

37.365 người<sup>2</sup>. Do sống xen với nhiều thành phần dân tộc, đặc biệt là dân tộc Kinh (Việt) - một dân tộc chiếm số đông và có trình độ văn hoá cao hơn so với các dân tộc khác, nên hoạt động của cộng đồng người Kinh có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nói chung và cư dân Sán Dìu nói riêng... Từ năm 1986, cùng với tốc độ đô thị hoá, các cuộc hôn nhân hỗn hợp giữa các cặp vợ chồng Sán Dìu - Kinh ngày càng phổ biến. Đó cũng là một trong những nguyên nhân làm văn hóa Kinh ngày càng có nhiều ảnh hưởng dẫn đến sự biến đổi văn hoá của người Sán Dìu. Trong nghiên cứu này, chúng tôi xem xét các thành tố văn hóa như ngôn ngữ, trang phục và nhà ở. Đây là những thành tố dễ nhận biết để phân biệt tộc người, đồng thời cũng dễ bị tổn thương nhất trong quá trình hội nhập.

### 2.1.1. Ngôn ngữ

Theo các nhà nghiên cứu, ngôn ngữ Sán Dìu được xếp vào nhánh Hán trong ngữ hệ Hán - Tạng, thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, người Sán Dìu dùng khoảng 95% chữ Hán đọc theo âm Sán Dìu (Hán - Sán Dìu), còn lại là chữ tự tạo theo chữ Hán nhưng âm nghĩa thay đổi hoặc chữ mới, âm nghĩa mới, có thể coi đó là chữ Nôm - Sán Dìu. Vì vậy, nếu ai không biết chữ Sán Dìu nhưng biết chữ Hán vẫn có thể đọc hiểu được văn tự của người Sán Dìu. Trong xã hội truyền thống, cũng như hiện tại, việc học ngôn ngữ Sán Dìu (chủ yếu là ngôn ngữ nói) được thực hiện qua con đường truyền khẩu, số người biết viết chữ Sán Dìu chỉ đếm trên đầu ngón tay và phần lớn họ là những người làm nghề thầy cúng. Do đó, ngôn ngữ viết chủ yếu là để sử dụng viết số và điệp trong các buổi cúng tế.

Trước đây, người Sán Dìu sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ trong gia đình cũng như trong giao tiếp hàng ngày. Sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng (năm 1954), do nhiều nguyên nhân về điều kiện lịch sử và xã hội cụ thể mà mức độ sử dụng ngôn ngữ Sán Dìu của đồng bào ở các khu vực cư trú khác nhau theo xu hướng khác nhau: Khu vực nông thôn ví như xã Nam Hòa thuộc huyện Đồng Hỷ, xã Phúc Thuận thuộc huyện Phổ Yên (tỉnh Thái Nguyên); xóm Muối, Bèo (xã Giáp Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang), tiếng Sán Dìu được sử dụng khá phổ biến trong cộng đồng tộc người. Ở các khu vực thị trấn, thành phố, gần đường quốc lộ như xã Hóa Thượng (huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên); xóm Chảo Mới, Trại Mới (xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang), hiện tượng

song ngữ Sán Dìu - Việt lại phổ biến, trong đó tiếng Việt chiếm ưu thế. Thậm chí, ở những điểm này tính “phổ biến” ở đây đã đạt tới mức độ sử dụng ngôn ngữ của mỗi cá nhân. Điều này có thể thấy rõ qua phạm vi giao tiếp:

+ Giao tiếp trong phạm vi gia đình và phạm vi xóm (bao gồm cả trong hợp xóm) sử dụng tiếng Sán Dìu.

+ Giao tiếp trên phạm vi toàn xã (trao đổi cá nhân, giao dịch mua bán, họp xã... sử dụng song ngữ Sán Dìu - Việt.

+ Giao tiếp nơi sinh hoạt công cộng (nơi làm việc ở trụ sở xã, trường học, trạm y tế, chợ phiên... sử dụng song ngữ Sán Dìu - Việt.

Tùy theo trình độ học vấn và nhóm xã hội nghề nghiệp mà việc tiếp thu và sử dụng vốn từ vựng tiếng Việt của người Sán Dìu theo mức độ khác nhau, với những người là cán bộ viên chức, cán bộ cấp xã và lớp thanh, thiếu niên việc sử dụng tiếng Việt đạt đến trình độ thuần thục và chính xác đến mức nếu chỉ thông qua cách ăn mặc và ngôn ngữ thì khó có thể nhận biết đó là người Sán Dìu hay người Việt (Kinh). Còn với những người làm nông nghiệp hoặc tầng lớp cao tuổi, trung niên mặc dù diễn đạt tiếng Việt chưa chuẩn xác, còn ngọng và thiếu âm vị, nhưng nhìn chung họ nắm vững tiếng Việt.

Sau Đổi mới (1986), đặc biệt là từ năm 2000 trở lại đây, những nơi gần đô thị, tiếng Sán Dìu hầu như ít được sử dụng. Một tình trạng trở nên phổ biến ở cư dân Sán Dìu đó là việc sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, viết) thành thạo hơn tiếng Sán Dìu, hoặc sử dụng tiếng Việt thành thạo nhưng lại không biết sử dụng tiếng Sán Dìu (có những người biết nghe và hiểu lõm bõm nhưng lại không biết nói tiếng Sán Dìu). Xu hướng chung của các hộ gia đình là khi trẻ bắt đầu học nói, thay vì dạy trẻ tiếng Sán Dìu thì ông bà, cha mẹ lại dạy cho trẻ nói tiếng Việt với mục đích cho trẻ phát âm chuẩn để khi lớn lên theo học ở trường đỡ bị thiệt thòi. Thậm chí, tình trạng phổ biến trong các hộ gia đình Sán Dìu đó là chỉ những người từ 60 tuổi trở nên biết và sử dụng thành thạo tiếng mẹ đẻ, còn tầng lớp trung niên và thanh niên hầu như không biết nói hoặc chỉ biết nghe mà không biết nói tiếng dân tộc mình. Thứ ngôn ngữ được sử dụng giao tiếp hàng ngày trong gia đình, làng xóm, cộng đồng xã hội là tiếng Việt (xem bảng 1).

<sup>2</sup> Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2009

**Bảng 1:** *Mức độ sử dụng tiếng Việt của người Sán Dìu*

Độ tuổi	Sử dụng tiếng Việt giao tiếp			
	Trong gia đình		Nơi công cộng	
	Số người sử dụng	Tỷ lệ %	Số người sử dụng	Tỷ lệ %
Từ 18-50	16/20	80,0	20/20	100,0
Từ 55-70	19/30	63,3	25/30	83,3

Nguồn: *Điều tra thực địa tại 2 tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, tháng 5/2018*

Xem xét mức độ sử dụng ngôn ngữ tộc người, chúng tôi còn quan tâm việc sử dụng ngôn ngữ trong thờ cúng tổ tiên. Thông thường, đây là một trong những cảnh huống mà con người muốn giữ gìn bản sắc tộc người của mình nhất. Một thực trạng cho thấy, với các gia đình từ 35 trở xuống có đến 66% sử dụng ngôn ngữ Việt trong cúng tế gia tiên, cầu xin các vị thần linh, tổ tiên phù hộ (bảng 2)

**Bảng 2:** *Sử dụng ngôn ngữ trong thờ cúng tổ tiên*

Ngôn ngữ	Chỉ báo	Độ tuổi	
		Từ 20- 35 tuổi	Từ 35- 70
Sán Dìu	Số lượng	12/60	36/60
	%	20%	60%
Việt	Số lượng	40/60	0/60
	%	66.6%	0%
Song ngữ	Số lượng	8/60	24/60
	%	13.3%	40%

Nguồn: *Điều tra thực địa 2 tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, tháng 5/2018*

Đánh giá chung về mức độ sử dụng ngôn ngữ dân tộc mình trong môi trường gia đình và cộng đồng của người Sán Dìu cho thấy rất nhiều người dưới 35 tuổi không nói được tiếng Sán Dìu hoặc nói được rất ít. Thực trạng này, làm cho ngôn ngữ Sán Dìu đang đứng trước nguy cơ bị biến mất.

Có thể nói, do những nhân tố khách quan và chủ quan khác nhau mà dẫn đến hiện tượng này, trong đó không thể không nói đến tác động của ngôn ngữ phổ thông. Do nhận thức tiếng Việt là công cụ đắc lực và hữu hiệu để phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa

học kỹ thuật và cũng do quan niệm muốn con em mình thông thạo tiếng Việt để khi đi học không thua kém bè bạn, nên ngay từ khi trẻ mới tập nói thay vì dạy tiếng Sán Dìu thì ông bà và cha mẹ lại dạy tiếng Việt cho trẻ [2, tr.344]. Ngoài ra, tâm lý ngại sử dụng tiếng dân tộc, không muốn học tiếng dân tộc bởi môi trường giao tiếp hàng ngày chủ yếu bằng tiếng Việt khiến lớp thanh thiếu niên thấy không cần thiết phải học tiếng dân tộc cũng là nguyên nhân đáng kể khiến ngôn ngữ Sán Dìu ngày càng mai một.

Tình trạng hôn nhân hỗn hợp dân tộc cũng ảnh hưởng tới sử dụng ngôn ngữ trong gia đình. Kết quả phỏng vấn sâu người Sán Dìu ở các điểm nghiên cứu cho biết, những cặp vợ chồng có con dâu là người Kinh ngại nói chuyện với nhau bằng tiếng Sán Dìu, vì sợ con dâu nghĩ họ có điều gì muốn giấu. Mặt khác, năng lực ngôn ngữ của tộc người ngày càng không đáp ứng được việc phản ánh những vấn đề kinh tế - xã hội; bởi thế, rất nhiều từ ngữ phải vay mượn tiếng phổ thông để diễn giải. Bên cạnh đó, do đặc điểm sống xen kẽ nên sự giao tiếp giữa các tộc người được thực hiện bằng ngôn ngữ của tộc người có số dân chiếm đa số đó là người Kinh (Việt).

### 2.1.2. Trang phục

Trang phục là một trong những thành tố dễ nhận biết nhất để phân biệt tộc người. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, dưới tác động của giao lưu văn hoá trang phục lại là yếu tố dễ biến đổi nhất. Tại các điểm nghiên cứu, trang phục truyền thống không được người dân sử dụng trong ngày thường nên nếu chỉ nhìn vào trang phục để nhận diện dân tộc thì rất khó để phân biệt người Sán Dìu với người Kinh, bởi họ thường mặc quần áo may sẵn của người Kinh được bày bán ở các chợ trong vùng.

Theo kết quả phiếu điều tra, số hộ thuộc các điểm nghiên cứu còn giữ trang phục truyền thống rất ít, chỉ chiếm 14,1% (24/170 hộ gia đình được hỏi), trong khi số hộ không còn trang phục truyền thống chiếm 85,9% (146/170 hộ gia đình được hỏi). Trong đó, nữ giới lưu giữ trang phục truyền thống nhiều hơn nam giới. Thế hệ ông bà, bố mẹ vẫn còn giữ được một số bộ, trong khi các thế hệ con chỉ giữ được rất ít hoặc thậm chí không có; đến thế hệ các cháu, chắt thì không còn giữ lại được gì của trang phục truyền thống của dân tộc và họ cũng không muốn/ không có ý thức lưu giữ loại trang phục này nữa (bảng 3).

**Bảng 3:** Số người có trang phục truyền thống trong gia đình

	Chỉ báo	Những người trong gia đình					
		Ông	Bà	Cha	Mẹ	Con	Cháu
Có	Số lượng	7	12	2	6	0	0
	%	14	24	4	12	0	0
Không	Số lượng	43	38	48	42	50	50
	%	86	76	96	84	100	100
Tổng số		50	50	50	50	50	50

**Nguồn:** Điều tra thực địa tại tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, tháng 5/2018

2.1.3. Nhà ở

Nhà ở truyền thống là thành tố lưu giữ nhiều dấu ấn văn hoá tộc người. Tuy nhiên, dưới tác động của hội nhập, nhà ở của các tộc người cũng đang có nhiều biến đổi. Các kết quả bằng phiếu hỏi cho thấy người Sán Dìu ở nhiều loại hình nhà khác nhau và số lượng các nhà phi truyền thống đang chiếm ưu thế (bảng 4).

**Bảng 4:** Loại hình nhà ở của người Sán Dìu

Loại nhà	Tỉnh Bắc Giang (các xóm)			Tỉnh Thái Nguyên (các xóm)		
	Muối	Bèo	Chèo Mới	Tam Thái	Bờ Suối	Na Ca 1
Nhà trình tường	1	0	0	0	0	1
Cấp 4	29	35	21	22	44	21
Mái bằng	13	2	0	5	4	1
Nhiều tầng	7	13	4	18	2	0
Tổng số	50	50	25	50	50	23

**Nguồn:** Điều tra thực địa 2 tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, tháng 5/2018

Qua bảng trên cho thấy, nhà của người Sán Dìu tại hai tỉnh hầu hết là nhà cấp 4, nhà mái bằng và nhà tầng. Đặc điểm ngôi nhà truyền thống của đồng bào thấp, cửa sổ ít và bé, ít ánh sáng, nhà làm tường trình bằng đất có độ dày từ 20 đến 30 cm, mái được lợp bằng lá hèo hoặc gianh, rơm; 4 mặt hoặc 3 mặt có đổ bưng mặt trước, 4 mái (người dân vẫn gọi là nhà bánh giò). Theo cư dân địa phương, mặc dù nhà truyền thống có ưu điểm là mát nhưng do nhà làm thấp lại ít cửa sổ nên không thoáng, nhất là những hôm tiết trời nồm, nhà ẩm thấp khiến cho trẻ con và người già dễ mắc các bệnh về hô hấp. Mặt khác, do lợp bằng những vật liệu dễ hỏng, nhanh bị mục nát nên chỉ sau 4- 5 năm người ta phải lợp lại một lần. Bởi vậy, khi có điều kiện về kinh tế, người Sán Dìu phá bỏ để xây nhà mới bằng gạch nung, lợp ngói đỏ, xô xi măng hoặc đổ mái bằng.

2.2. Giải pháp gìn giữ và phát triển bền vững văn hóa

Văn hoá được hiểu là sản phẩm đặc thù của dân tộc, có vị trí chiến lược trong sự tồn tại và phát triển

của mỗi quốc gia. Để gìn giữ và phát triển bền vững văn hóa, theo chúng tôi cần phải thực hiện:

2.2.1. Cùng cố lòng tự hào của các chủ thể văn hóa về giá trị văn hóa truyền thống của tộc người mình

Có thể nói, cốt lõi của vấn đề bảo tồn chính là nhận thức của chủ thể văn hóa về giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Qua nghiên cứu thực trạng văn hóa của dân tộc Sán Dìu ở 2 tỉnh Bắc Giang và Thái Nguyên cho thấy, mặc dù trong những năm qua các cấp chính quyền đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện các chính sách, đề án nhằm bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống; song tất cả những cố gắng đó sẽ không thực sự có hiệu quả khi mà tầng lớp thanh, thiếu niên - chủ thể của chính nền văn hóa ấy chưa có nhận thức đúng đắn về giá trị văn hóa truyền thống của tộc người mình.

Xu hướng xem thường, phủ nhận hoặc thờ ơ với văn hóa truyền thống, đề cao quá mức các giá trị văn hóa mà được cho là “mới”, là “hiện đại” chiếm không nhỏ trong bộ phận thanh thiếu niên Sán Dìu. Từ quan niệm đó dẫn đến tư tưởng muốn có lối sống mới không liên quan gì đến giá trị văn hóa truyền thống của tộc người. Trong khi đó, việc bảo tồn, gìn giữ di sản văn hóa không chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu, sử dụng các loại máy móc, thiết bị, phương tiện kỹ thuật nghe nhìn hiện đại lưu giữ trong bảo tàng, thư viện hay trong sách vở, mà để cho các giá trị văn hóa đó được phát huy và có cuộc đời thực thì nó phải được sống trong xã hội đương đại nghĩa là nó phải được lưu giữ trong đời sống cộng đồng, trong chính môi trường đã sản sinh ra chúng. Vì vậy, vấn đề tuyên truyền, giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống cho chủ thể văn hóa phải được tiến hành liên tục, thường xuyên và được đầu tư đúng mức để các chủ thể văn hóa hiểu rằng: chính các giá trị văn hóa truyền thống của tộc người làm nên sức mạnh dân tộc, tạo nên tâm hồn, cốt cách, bản lĩnh và lối sống của dân tộc; đồng thời đó cũng là cốt lõi của bản sắc dân tộc, là cơ sở để tạo ra sự đa dạng văn hóa trong giao lưu và hợp tác quốc tế hiện nay. Chỉ khi chủ nhân của nền văn hoá đó thực sự hiểu về giá trị của văn hóa truyền thống, từ đó có trách nhiệm trong việc tham gia vào hoạt động bảo tồn với ý thức họ là chủ nhân của di sản văn hóa ấy, và cũng nhờ làm chủ được văn hóa truyền thống mới thực hiện tốt việc giao lưu - tiếp biến văn hóa để làm phong phú văn hóa của tộc người, thực hiện tốt mối liên hệ lịch sử, sự kế thừa văn hóa giữa các thế hệ. Nếu chủ nhân văn hoá không hiểu biết, không trân

trọng văn hoá của dân tộc mình thì họ dễ bị cuốn theo văn hoá hiện đại và quay lưng lại với văn hoá truyền thống.

### 2.2.2. Tiếp tục phổ biến các giá trị văn hóa trong đời sống xã hội bằng nhiều hình thức

Thông qua lễ hội truyền thống; hội chợ; Festival; qua các phong trào văn nghệ quần chúng; qua các phương tiện thông tin đại chúng: đài, báo, truyền hình, sách, ảnh... trong giáo dục và đào tạo dành một vị trí và thời lượng xứng đáng cho việc giảng dạy những môn học về lịch sử dân tộc, về giá trị văn hóa truyền thống.

### 2.2.3. Kế thừa đúng đắn văn hóa truyền thống của dân tộc

Một thuộc tính cơ bản của văn hóa đó là có khả năng tự chia sẻ, học hỏi, giao lưu và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các cộng đồng. Vì lẽ đó, giao lưu ảnh hưởng văn hoá từ xa xưa đã đóng vai trò là động lực phát triển của văn hoá. Quốc gia nào đóng kín chốt từ giao lưu văn hoá thì trước sau cũng bị suy thoái, lạc hậu. Vì vậy, để dung hoà, tận dụng được thời cơ toàn cầu hoá đồng thời vượt qua được thách thức, tiêu cực cần phải biết khai thác và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống tích cực như quan điểm của Đảng "kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá của loài người". Trên cơ sở phát huy những giá trị văn hoá truyền thống tích cực để tiếp thu các giá trị văn hoá tiên tiến bên ngoài làm cho sự phát triển bền vững.

Mặc dù không thể phủ nhận các giá trị văn hoá truyền thống luôn có tác động đến con người và văn hoá hiện đại, nó có ý nghĩa to lớn vừa là nguồn sống, nguồn sáng tạo của dân tộc. Tuy nhiên, không phải mọi truyền thống đều có giá trị tích cực phục vụ cho công cuộc phát triển. Bởi vậy cần xác định thế nào là giá trị truyền thống tích cực và thế nào là giá trị truyền thống tiêu cực là vấn đề quan trọng. Một số tập quán của người Sán Diu như tục lệ cưới xin, ma chay kéo dài ngày làm tổn hại đến kinh tế và sức khoẻ con người; những kiêng kị mang tính chất mê tín dị đoan ảnh hưởng đến lòng tự tin của cá nhân; những quan niệm "đông con là có phúc" hay "trọng nam khinh nữ" ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội... cần phải được hạn chế và loại bỏ. Bên cạnh đó, cần phải tuyên truyền thậm chí là có sự đầu tư của Nhà nước khuyến khích người dân mặc trang phục truyền thống; tại mỗi làng, bản làm nhà văn hoá theo mô hình ngôi nhà truyền thống... với nhận thức mới về truyền thống văn hoá trong mối liên hệ với hiện tại và tương lai, cần

kiên quyết loại trừ những hủ tục truyền thống không phù hợp với cuộc sống hiện tại. Bên cạnh đó cũng tiến hành một cách khoa học, hợp lý trong việc phát huy các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp, biến các giá trị truyền thống tích cực thành động lực để phục vụ phát triển.

### 2.2.4. Văn hoá truyền thống phải góp phần phát triển kinh tế- xã hội của chính cộng đồng nền văn hoá đó

Văn hoá không chỉ là động lực của sự phát triển, là nhu cầu cơ bản của cuộc sống con người và nó cũng không chỉ là mục tiêu của sự phát triển như là sự hướng tới hoàn thiện xã hội, con người, làm cho cuộc sống ngày càng dễ chịu, sung túc và hạnh phúc hơn. Ngoài vai trò là nền tảng tinh thần, là mục tiêu và là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, thì cần phải phát huy vai trò kinh tế của văn hoá để văn hoá thành nguồn lực kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay, bởi lẽ "có thực mới vực được đạo", nói một cách khác "phải kinh doanh văn hoá"; văn hoá muốn giữ vững được bản sắc của mình và muốn phát huy bản sắc ấy thì phải làm cho chủ nhân của nền văn hoá ấy thu được lợi nhuận từ nền văn hoá của mình thì mới bền vững được. Trong thực tế, người Dao, người Mông ở Lào Cai, người Sán Diu ở Tam Đảo... đã làm được điều đó bằng cách duy trì, khôi phục lại ngôn ngữ, trang phục, nhà cửa, tập quán truyền thống, đồng thời học tiếng Anh để giao tiếp được với khách nước ngoài, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng quảng cáo văn hoá truyền thống gọi sự tò mò muốn tìm hiểu của du khách với đặc trưng văn hoá, từ đó, vừa tăng thêm thu nhập của mình vừa gìn giữ và quảng bá văn hoá tộc người. Khi những sản phẩm hàng hoá được coi là dạng hàng hoá đặc biệt sẽ góp phần tạo ra của cải cho xã hội, cho chủ nhân văn hoá và văn hoá cũng nhờ đó mà phát triển, tầm phổ biến được rộng rãi, ảnh hưởng mạnh mẽ hơn.

Tuy nhiên, một điều không thể phủ nhận được đó là đã làm kinh tế thì phải nghĩ đến lợi nhuận; việc đem các sản phẩm văn hoá để kinh doanh, đem lại lợi nhuận, tăng thu nhập cho người dân cũng là một động lực để người dân có ý thức bảo tồn văn hoá, nhưng sự tính toán trong kinh doanh văn hoá cũng phải được tuân theo một hệ giá trị nhất định. Do đó, một mặt Nhà nước cần phải có những quy định chung và những hướng dẫn cụ thể đối với từng loại hình kinh doanh văn hoá; mặt khác cũng rất cần sự đầu tư, bao cấp của Nhà nước trong khi sản phẩm văn hoá đó chưa sinh được lời.

Để chính sách kinh tế trong văn hoá có hiệu quả cần có sự thực hiện đồng bộ nhất quán nhiều giải pháp; những chính sách phát triển kinh tế - xã hội cần được xây dựng dựa trên đặc điểm về tự nhiên, lịch sử, kinh tế, xã hội và văn hoá phù hợp với tập quán, tâm lý, thói quen của chủ thể văn hoá và phải được thông qua ý kiến của đồng bào để bổ sung điều chỉnh cho hoàn thiện, tránh thái độ chủ quan, duy ý chí, áp đặt trong việc thực hiện các chương trình kinh tế xã hội với đồng bào dân tộc thiểu số.

*2.2.5. Chú trọng mục tiêu cải thiện đời sống, xoá đói giảm nghèo, tạo điều kiện cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống*

Kinh tế và văn hoá là 2 lĩnh vực vừa có trong nhau, lồng vào nhau và bổ sung cho nhau, văn hoá không chỉ là hệ quả của kinh tế mà kinh tế cũng là hệ quả của văn hoá. Do đó, muốn bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của các tộc người cần có chiến lược phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân.

### 3. Kết luận

Văn hoá không đơn thuần là nhận thức, hiểu biết mà là những giá trị vật chất và tinh thần mang tính biểu trưng đã thấm sâu vào tình cảm, hành vi, tạo nên thói quen, lối sống và nhân cách của con người. Đối với nước ta hiện nay, khi nhiệm vụ hội nhập kinh tế ngày càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết thì văn hoá càng phải được coi là một nhân tố cơ bản, một tiêu chí, một nguồn lực nội sinh, quan trọng nhất của phát triển.

Trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, một mặt kinh tế thị trường cùng với cơ sở vật chất và kỹ thuật hiện đại tạo điều kiện thuận lợi để văn hoá phát triển; mặt khác sự thay đổi nhanh chóng về kinh tế xã hội trong sự chuyển mình sang hiện đại hoá, giao lưu tiếp xúc với văn hoá người Kinh (Việt) và thế giới đã làm cho văn hoá truyền thống của người Sán Dìu đang đứng trước nguy cơ bị đứt đoạn với văn hoá truyền thống. Xu hướng tác động chính của hội nhập là các thành tố của văn hoá vật chất (trang phục, nhà ở, ăn uống...); đặc biệt là nguy cơ mất ngôn ngữ của người Sán Dìu. Từ thực trạng văn hoá của người Sán Dìu ở khu vực miền núi phía Bắc có thể nhận thấy mối mâu thuẫn giữa gìn giữ văn hóa và phát triển. Điều đó, đặt ra vấn đề cấp thiết là phải có những giải pháp cụ thể cho sự phát triển văn hoá được bền vững.

Sự phát triển văn hóa không đơn thuần là sự thay thế cái cũ bằng cái mới mà sự phát triển văn hoá là sự

phát triển mang tính chất tổng thể mới đạt được sự bền vững. Về mặt số lượng, sự tăng trưởng số lượng người tham gia vào đời sống văn hoá cũng là biểu hiện của sự phát triển văn hoá; suy cho cùng các giá trị văn hoá muốn được duy trì, được phát triển cũng vì có một số lượng đông đảo nhân dân tham gia. Bên cạnh sự tham gia của số lượng nhiều người, một nền văn hoá phát triển còn được đánh giá về mặt chất lượng, đó là việc giải quyết thoả đáng các mối quan hệ truyền thống với hiện đại (hay nói cách khác là giữ được bản sắc dân tộc trong quá trình giao tiếp và hiện đại hoá); đó là sự thấm sâu các giá trị văn hoá vào đời sống xã hội và lối sống con người; là sự đa dạng hoá các hình thức văn hoá xã hội, sự nâng cao trình độ con người trong quá trình sáng tạo và thoả mãn các nhu cầu. Để văn hoá tộc người phát triển bền vững không chỉ chú trọng phát huy vai trò văn hoá trong mọi lĩnh vực mà còn làm cho văn hoá thực sự là động lực, nguồn lực của quá trình phát triển kinh tế, xã hội phù hợp với quy luật của lịch sử trong từng hoàn cảnh nhất định.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dự án VIE/01/021 “Hỗ trợ xây dựng và thực hiện chương trình nghị sự 21 quốc gia của Việt Nam”, *Phát triển bền vững - Kỳ yếu Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội, 2004.
2. Nguyễn Thị Quế Loan, "Phát triển bền vững ngôn ngữ các tộc người thiểu số ở tỉnh Thái Nguyên", *Kỳ yếu Hội thảo quốc tế Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam- Trung Quốc ở Đông Á và Đông Nam Á*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, tr. 339-346.
3. Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh (Chủ biên), (2012), *Phát triển bền vững văn hoá tộc người trong quá trình hội nhập ở vùng Đông Bắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Phạm Xuân Nam (Chủ biên) (2005), *Triết lý phát triển ở Việt Nam - Mấy vấn đề cốt yếu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Ủy ban Dân tộc (2006), *Phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

## **Sustainable development of San Diu cultural ethnic in the northern mountainous region**

*Nguyen Thi Que Loan, Le Thi Thu Huong*

---

### **Article info**

---

*Recieved:  
03/7/2019  
Accepted:  
10/9/2019*

---

*Keywords:  
San Diu, sustainable  
development, northern  
mountainous region,  
culture, integration*

---

### **Abstract**

---

The Northern mountainous region of Vietnam currently has about 31 ethnic groups living. Due to intermingling in a cultural-historical area, the ethnic groups have economic, social, political, cultural communication ... After Innovation (1986), the integration of peoples happened strongly to promote the harmony, on the other hand, traditional culture changing is the reason to make many cultural values which are eroded. In the past few decades, the Party and the State have had guidelines, policies, campaigns and projects to preserve and promote the cultural identity of ethnic groups. In order to join together with the measures that have been taken, we conduct research in a specific ethnic group that is clearly influenced on the process of industrialization and modernization, thus, proposing suitable solutions for sustainable cultural development.

---